

Bản án số: **169/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Mậu - kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Hồ Minh H**, sinh năm: 1998; Địa chỉ: ấp Số 4, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Đặng Thị H1**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp Số 4, xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2023 và bản tự khai nguyên đơn anh Hồ Minh H trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Hồ Minh H và chị Đặng Thị H1 tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012; anh và chị H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã MT, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/8/2013. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mà chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung vợ chồng. Hiện tại anh và chị H1 đã sống ly thân với nhau, trong thời gian này anh và chị H1 không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Anh H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H1 không còn hạnh phúc nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị H1.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh H xác nhận anh và chị H1 có 02 (hai) người con chung tên Hồ Duy P, sinh năm 2012 và Hồ Duy Đ, sinh năm 2015. Hiện 02 người con chung đang do anh H nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn anh H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H khai rằng quá trình chung sống với nhau anh và chị H1 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị H1: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H1 giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Đặng Thị H1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 96 và 97 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Minh H.

Về hôn nhân: Anh Hồ Minh H được ly hôn với chị Đặng Thị H1.

Về con chung: Giao cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là Hồ Duy P và Hồ Duy Đ cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu. Ngoài ra, anh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện anh Hồ Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Đặng Thị H1; bị đơn chị Đặng Thị H1 có nơi cư trú tại ấp số 4, xã MT, huyện HD, tỉnh KG. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh KG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Đặng Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2012, anh Hồ Minh H và chị Đặng Thị H1 thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh H và chị H1 được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện HD, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/8/2013. Do đó, hôn nhân giữa anh Hồ Minh H và chị Đặng Thị H1 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân: HĐXX thấy rằng sau thời gian chung sống với nhau, anh H và chị H1 có phát sinh mâu thuẫn, mà chủ yếu là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến việc anh chị thường xuyên cự cãi nhau. Đầu năm 2021 chị H1 bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và từ đó anh H và chị H1 đã sống ly thân với nhau cho đến nay; theo anh H trình bày trong khoảng thời gian anh và chị H1 sống ly thân với nhau thì anh và chị H1 không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau và cũng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Vì vậy, anh H cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và H1 giải giữa anh H và chị H1 nhưng chị H1 đều vắng mặt; hơn nữa theo chị Đặng Thị Tư là em ruột của chị Đặng Thị H1 cũng xác nhận rằng các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt cho chị H1 thì chị đều thông báo cho chị H1 được biết, tuy nhiên do bận việc nên chị H1 không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án trên được. Điều này cho thấy chị H1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H. Từ đó xét thấy; quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và qua quá trình nghị án HĐXX thống nhất chấp nhận cho anh Hồ Minh H được ly hôn với chị Đặng Thị H1.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Có 02 (hai) người con chung tên Hồ Duy P, sinh năm 2012 và Hồ Duy Đ, sinh năm 2015. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên.

HĐXX xét thấy yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hồ Duy P và Hồ Duy Đ của anh H là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; tại các bản tự khai của Hồ Duy P và Hồ Duy Đ đều thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng với cha sau khi cha mẹ ly hôn; đồng thời tại bản tự khai anh H có trình bày hiện nay 02 người con chung đang do anh H nuôi dưỡng. Từ đó, nhằm để cho các cháu ổn định cuộc sống, học tập và phát triển tốt hơn về sau nên tiếp tục giao 02 cháu P và Đ cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, HĐXX thống nhất giao cháu Hồ Duy P và Hồ Duy Đ cho anh Hồ Minh H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H trình bày anh đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung nên anh H không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX miễn xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh H khai rằng anh và chị H1 là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu ý kiến là có căn cứ nên được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Anh Hồ Minh H được ly hôn với chị Đặng Thị H1.

2/ Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Hồ Duy P, sinh năm 2012 và Hồ Duy Đ, sinh năm 2015 cho anh Hồ Minh H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Trong thời gian anh H nuôi con chung; chị H1 có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Hồ Minh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009997 ngày 16/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh KG. Như vậy, anh H không phải nộp thêm, chị H1 không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị H Điệp